

Bản án số: **51/2020/DS-ST**  
Ngày 29 tháng 9 năm 2020  
V/v “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền biểu”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Xuân Phi

Ông Nguyễn Thế Quyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2017, về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền biểu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Thân Thị Như H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 430 đường A, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1976; Địa chỉ: K19/29 Đ, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Hiện trú tại: Số 746/34A đường T, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Phan Văn Đ; Địa chỉ: K19/29 Điện Biên Phủ, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Hiện trú tại: Số 746/34A đường T, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

- Bà Đinh Thị Kim N; Địa chỉ: Số 106 đường B, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Mai L; Địa chỉ: K129/02 đường L, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

- Bà Tổng Thị Kim S, địa chỉ: Số 20 đường M, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ 29, phường P, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thân Thị Như H trình bày:

Vào ngày 20-10-2013 (Âm lịch), bà có chơi 01 chân biêu do bà Trần Thị Hồng L cầm cái gồm 24 phần, mỗi phần 5.000.000đ, đến tháng 8-2015 là kết thúc (vì năm 2014 âm lịch có nhuận tháng 9). Đến tháng 5-2015 (Âm lịch) bà hốt biêu với tổng số tiền là 120.000.000đ, nhưng bà phải nộp lại cho bà L các khoản tiền sau: Chân biêu của tháng năm là 5.000.000đ, tiền lời 03 chân biêu chết (khi hốt trúng biêu, mỗi chân 1.500.000đ) là 4.500.00đ và nộp tiền 03 chân biêu chết (từ tháng 06 đến tháng 8-2015 âm lịch) là 15.000.000đ, tổng các khoản là 24.500.000đ. Số tiền còn lại bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà là **95.500.000đ** (120.000.000đ-24.500.000đ);

Vào ngày 15-3-2014 (Âm lịch), bà có chơi tiếp 02 chân biêu, gồm 25 phần, mỗi phần 5.000.000đ. Đến tháng 5-2015 (Âm lịch) bà hốt 01 chân với số tiền là 125.000.000đ, nhưng bà phải nộp lại cho bà L các khoản tiền sau: 10 triệu đồng tiền 02 chân biêu chưa nộp của tháng 5 (trong đó, 01 chân biêu đang hốt và 01 chân biêu sống chưa hốt), tiền lời cho 8 chân biêu chết (khi hốt trúng biêu, mỗi chân 2.568.000đ) là 20.544.000đ và đóng tiền biêu chết 09 tháng (từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2016 âm lịch) là 45.000.000đ, nhưng trừ tiền chân biêu sống của bà 5.000.000đ, số tiền còn lại là 40.000.000đ, tổng các khoản là 70.544.000đ. Số tiền còn lại bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà là **54.456.000đ** (125.000.000đ-70.544.000đ);

Như vậy, tổng số tiền 02 chân biêu bà hốt được là 149.956.000đ, nhưng bà L mới thanh toán cho bà được 50.000.000đ, số tiền còn lại bà L nợ chưa thanh toán là **99.956.000đ**.

Đối với chân biêu còn lại (của dây biêu thứ 2) đến đầu tháng 8-2015 bà L thông báo dừng biêu, chân biêu này bà đóng tiền biêu cho bà L được 18 tháng, mỗi tháng 5.000.000đ, với tổng số tiền là 90.000.000đ. Do bà L còn thiếu tiền 2 chân biêu trước chưa trả nên bà chỉ đóng tiền đến tháng 5 (chưa đóng tiền biêu tháng 6 và tháng 7 với số tiền là 10.000.000đ). Như vậy số tiền còn lại bà L nợ chưa trả là 80.000.000đ (90.000.000đ - 10.000.000đ).

Tổng số tiền 03 chân biêu trên bà L còn nợ chưa thanh toán là 179.956.000đ. Kể từ khi kết thúc biêu vào đầu tháng 8 năm 2015 đến nay, nhiều lần bà yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả tiền còn nợ biêu nhưng bà L không thực hiện, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả số tiền biêu còn nợ trên.

Trong bản tự khai, biên bản làm việc và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị

Hồng L trình bày:

Bà Thân Thị Như H có chơi 03 chân biêu do bà cầm cái. Tuy nhiên ở chân biêu thứ nhất ngày 20-10-2013 (Âm lịch) thì bà đã trả đủ cho bà H như trong giấy tính tiền biêu số tiền 110.500.000 đồng và chân biêu thứ 01 của dây biêu ngày 15-3-2014 (âm lịch) thì bà đã trả đủ cho bà H như trong giấy tính tiền biêu số tiền 94.456.000 đồng. Đối với chân biêu thứ 02 của dây biêu ngày 15-3-2014 (Âm lịch) do các chân biêu thống nhất dừng lại vào tháng 08-2015 (âm lịch) nên số tiền bà H được hốt sẽ là 90.000.000 đồng. Số tiền này thì bà chưa trả cho bà H, tuy nhiên, bà H chưa thực hiện nghĩa vụ đóng biêu chết là 35.000.000 đồng chân biêu này. Vì vậy, bà còn nợ bà H số tiền 55.000.000 đồng (90.000.000đ - 35.000.000đ). Hình thức trả nợ số tiền 55.000.000 đồng là trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng. bà thừa nhận số tiền được ghi trong giấy tính tiền biêu và chữ viết là của ông Phan Văn Đ. Ông Đ chỉ ghi giấy biêu giúp bà, nhận tiền dùm bà và không liên quan đến việc chơi biêu của bà. Đây là nợ riêng của bà nên ông Đ không có nghĩa vụ phải trả tiền cho bà H; Tại phiên tòa hôm nay, bà L cho rằng việc chơi biêu đã kết thúc lâu rồi, đối với 02 chân biêu trước sau khi kết thúc biêu bà đã giao tiền cho bà H rồi nên bà không nhớ, bà chỉ thừa nhận còn nợ bà H chân biêu còn lại với số tiền là 55.000.000đ.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày: Do bà L không biết viết nên ông giúp bà L (vợ ông) ghi giấy tính tiền biêu và nhận tiền biêu, ông không liên quan gì đến những khoản nợ biêu của bà L đối với bà H. Vì vậy, ông không có nghĩa vụ phải trả nợ biêu cho bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có tại hồ sơ vụ án thể hiện, bà H có chơi 03 chân biêu do bà L cầm cái. Căn cứ vào giấy tính tiền biêu (do ông Đ chồng bà L viết hộ) do nguyên đơn cung cấp có nội dung thể hiện là bà L còn nợ tiền biêu của 02 chân biêu (của dây biêu năm 2013 và chân biêu của dây biêu thứ 2 năm 2014 âm lịch) với số tiền là 94.456.000đ, bà L cho rằng đã thanh toán số tiền trên cho bà H nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu mình là có căn cứ. Đối với chân biêu thứ 3 (của dây biêu năm 2014), bà H xác định bà L còn nợ số tiền là 80.000.000đ, nhưng không có căn cứ để chứng minh số tiền trên, trong khi bà L chỉ thừa nhận còn nợ số tiền là 55.000.000đ. Do đó, có căn cứ xác định chân biêu thứ ba này bà L còn nợ là 55.000.000đ. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với nguyên đơn với tổng số tiền là 154.956.000đ. Không chấp nhận số tiền là 29.250.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thân Thị Như H khởi kiện vụ án Dân sự về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền biếu” đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng L; Địa chỉ: K19/29 Đ, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngày 21.02.2017, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý (*giải quyết lại vụ án*) là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Thân Thị Như H cho rằng năm 2013 và 2014 (Âm lịch) có chơi 03 chân biếu, do bà L cầm cái. Tháng 5-2015 (Âm lịch) bà hốt 02 chân biếu với tổng số tiền là 245.000.000đ, nhưng sau khi tính toán trừ đi các khoản gồm: tiền lời khi hốt biếu và đóng tiền biếu chết của 02 chân biếu cho đến khi kết thúc, thì số tiền biếu còn lại bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 149.500.000đ, nhưng bà L chỉ trả trước cho bà H số tiền 50.000.000đ, còn nợ 99.956.000đ. Đối với chân biếu thứ 3 đến tháng 2-2016 là kết thúc, nhưng tháng 8 năm 2015 bà L thông báo dừng biếu và xác nhận còn nợ chân biếu này với số tiền là 90.000.000đ, nhưng trừ đi 10.000.000đ tiền biếu tháng 6,7-2015 chưa đóng, số tiền còn lại là 80.000.000đ. Tổng số tiền 03 chân biếu bà L còn nợ 179.956.000đ, nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền biếu, nên yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả lại số tiền nợ biếu trên. Bà Trần Thị Hồng L không thống nhất với yêu cầu của bà H, bà chỉ thừa nhận còn nợ chân biếu thứ 3 với số tiền là 55.000.000đ.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thể hiện: Ngày 20-10-2013 và ngày 15-3-2014 (Âm lịch) bà Thân Thị Như H có chơi 03 chân biếu do bà Trần Thị Hồng L cầm cái (chủ biếu), chân biếu thứ nhất: Áp cái (*ngày mở biếu*) ngày 20-10-2013, gồm 24 người chơi, mỗi tháng đóng là 5.000.000đ, đến 20-8-2015 (Âm lịch) là kết thúc (*tuốt ống*) với số tiền là 120.000.000đ; Chân biếu thứ 2 (*bà L chơi 02 chân*): Áp cái ngày 15-3-2014, gồm 25 người chơi, mỗi tháng 5.000.000đ, đến tháng 2-2016 (Âm lịch) là kết thúc với số tiền là 250.000.000đ. Tháng 5-2015 (Âm lịch) bà H hốt 02 chân biếu (*chân thứ nhất và 01 chân của chân biếu thứ hai*), chân thứ nhất bà H hốt được 120.000.000đ, (*nhưng sau khi trừ đi các khoản gồm: Tiền biếu tháng 5 chưa nộp là 5.000.000đ, 03 chân biếu chết tháng 6,7 và 8 là 15.000.000đ và tiền lãi của 03 chân biếu chết khi hốt biếu là 4.500.000đ. Tổng số tiền là 24.500.000đ*). Số tiền biếu còn lại sau đi trừ các khoản trên bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 95.500.000đ (*120.000.000đ-24.500.000đ*). Chân biếu thứ 2, bà H hốt 01 chân với số tiền là 125.000.000đ, (*nhưng sau khi trừ đi các khoản gồm: tiền biếu tháng 5 của 02 chân chưa nộp là 10.000.000đ, tiền lãi 08 chân chết tại thời điểm hốt là 20.544.000đ (mỗi phần chịu lãi là 2.568.000đ) và tiền 09 chân biếu chết từ tháng 6-2015 đến tháng 2-2016 là 45.000.000đ, nhưng trừ đi chân*

biểu sống của bà H 5.000.000đ, còn lại 40.000.000đ. Tổng số tiền là 70.544.000đ). Số tiền biểu còn lại sau đi trừ các khoản trên bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 54.456.000đ (125.000.000đ-70.544.000đ). Tổng số tiền 02 chân biểu 149.956.000đ (95.500.000đ + 54.456.000đ), nhưng bà L chỉ giao trước cho bà H 50.000.000đ, còn nợ lại 99.956.000đ;

Riêng đối với chân biểu thứ 2 (của dây biểu ngày 15-3-2014), đến tháng 8-2015(Ấm lịch) bà L thông báo dừng biểu sớm, bà H đóng được 18 phần với số tiền là 90.000.000đ, nhưng do bà L nợ tiền biểu chưa thanh toán nên bà đóng đến tháng 5, chưa đóng tiền biểu tháng 6, 7-2017 với số tiền là 10.000.000đ, chân biểu này bà L còn nợ số tiền là 80.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền 03 chân biểu bà L còn nợ chưa trả cho bà H là 179.956.000đ (99.956.000đ+80.000.000đ).

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 01-9-2016, bà Trần Thị Hồng L thừa nhận quan hệ chơi biểu và số tiền biểu của 03 chân biểu như bà H đã yêu cầu. Tuy nhiên, bà L cho rằng số tiền biểu của 02 chân biểu mà bà H hốt vào tháng 5-2015 với tổng số tiền là 199.956.000đ bà đã thanh toán hết cho bà H rồi, vì chỗ quen biết với lại hai chân biểu trên đã kết thúc từ lâu nên khi giao tiền không đưa bà H ký vào sổ nhận tiền biểu. Bà chỉ thừa nhận còn nợ bà H chân biểu thứ 2 (của dây biểu thứ 2 ngày 15-3-2014) với số tiền là 55.000.000đ. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa bà H với bà L là “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền biểu*” giữa hai cá nhân với nhau. Căn cứ vào 03 tờ giấy do bà H cung cấp, trong đó 02 tờ giấy mở biểu có chữ ký của bà L và 01 tờ giấy tính tiền biểu (đều do ông Đ chồng bà L viết) thể hiện là bà L chỉ trả trước cho bà H 50.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 154.956.000đ. Mặc dù tờ giấy tính tiền biểu không có chữ ký của bà L nhưng nội dung trong tờ giấy tính tiền biểu phù hợp với 02 tờ giấy mở biểu và phù hợp với lời khai của bà L về quan hệ chơi biểu và nợ tiền biểu; Tờ giấy tính biểu này được tính toán và viết ra khi kết thúc và giao cho bà H giữ để làm căn cứ xác định số tiền biểu bà L còn nợ. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định tờ giấy tính tiền biểu trên là chứng cứ để chứng minh bà L còn nợ tiền biểu bà H. Bà L cho rằng đã thanh toán số tiền 02 chân biểu trên và 35 triệu đồng của chân biểu thứ 3 cho bà H rồi nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận bà L còn nợ tiền biểu của bà H với tổng số tiền là 179.956.000đ, do bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền biểu nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 179.956.000đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 280 và 290 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định về tranh chấp họ, biểu, phường..., vì có L quan đến các thành viên khác trong chân biểu nên khi giải quyết vụ án Tòa án đưa những người chơi biểu vào tham gia tố tụng trong vụ án. Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn bà Thân Thị Như H đối với bị đơn bà Trần Thị Bích L là “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền biểu*” chứ không phải là tranh chấp giữa các thành viên cùng chơi biểu với nhau theo hướng dẫn của Nghị định chính phủ, do

đó HĐXX xét thấy không cần thiết đưa tất cả những người tham gia 02 chân biêu trên vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu đương sự cung cấp danh sách tên, địa chỉ của 45 người chơi 02 chân biêu trên để đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án nhưng bà Trần Thị Hồng L đều vắng, thay đổi nơi cư trú của mình và không cung cấp cho Tòa án. Ngày 29-6-2020, Tòa án đến địa chỉ nơi vợ chồng bà L cư trú để tiến hành lấy lời khai bà L về những người tham gia 02 chân biêu trên để có căn cứ đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng bà L khóa cửa bỏ đi không hợp tác với Tòa án (BL số 193). Tại phiên tòa hôm nay, bà L xác định các chân biêu trên đã kết thúc từ lâu, giữa bà và những người chơi biêu đã hoàn thành nghĩa vụ với nhau, không còn L quan gì với nhau nữa và không có ai tranh chấp gì cả. Riêng đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về số tiền biêu trên là nghĩa vụ trả nợ tiền biêu giữa bà với bà H không có L quan gì đối với những người chơi biêu khác, với lại thời gian đã trôi qua lâu rồi bà không còn nhớ tên và địa chỉ của người này, do đó đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong vụ án. Do đương sự không cung cấp địa chỉ của những người chơi biêu với nhau nên Tòa án không thể đưa hết những người này vào tham gia tố tụng trong vụ án, mà chỉ đưa được một số người chơi biêu do bà L cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn bà Trần Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.997.000đ (179.956.000 x 5%) theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Hoàn trả cho bà Thân Thị Như H 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002102, ngày 22-3-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 280, 290 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

#### **Tuyên xử :**

**1.** Buộc bà Trần Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả cho bà Thân Thị Như H tổng số tiền là 179.956.000đ (Một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Hồng L phải chịu 8.997.000đ (*Tám triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng*).

Hoàn trả cho bà Thân Thị Như H 13.000.000đ (*mười ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002102, ngày 22-3-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử sơ thẩm tại nơi cư trú.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Vũ**

